

PHỤ LỤC 8-B

VIỄN THÔNG

1. Phạm vi

- (a) Phụ lục này sẽ áp dụng đối với các biện pháp được ban hành hoặc duy trì bởi một Bên mà ảnh hưởng đến thương mại mạng và dịch vụ viễn thông công cộng.
- (b) Ngoại trừ việc đảm bảo các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ khai thác các đài và hệ thống cáp phát thanh và truyền hình quảng bá tiếp tục được quyền truy nhập và sử dụng dịch vụ và mạng viễn thông công cộng, Phụ lục này sẽ không áp dụng đối với bất cứ biện pháp nào liên quan đến quảng bá hoặc phân phối qua cáp các chương trình phát thanh và truyền hình.
- (c) Không có điều khoản nào trong Phụ lục này được hiểu là:
 - (i) đòi hỏi một Bên, hoặc đòi hỏi một Bên buộc doanh nghiệp cung ứng dịch vụ, phải thiết lập, xây dựng, mua, thuê, khai thác hoặc cung cấp dịch vụ hay mạng viễn thông không được cung cấp ra công cộng; hoặc
 - (ii) đòi hỏi một Bên buộc doanh nghiệp cung ứng dịch vụ độc quyền trong lĩnh vực quảng bá hoặc phân phối qua cáp chương trình phát thanh hoặc truyền hình phải dành cơ sở hạ tầng quảng bá hay hệ thống cáp truyền dẫn để làm mạng viễn thông công cộng.

2. Truy cập và sử dụng dịch vụ¹³

- (a) Mỗi Bên sẽ đảm bảo rằng các nhà cung ứng dịch vụ của Bên kia có quyền truy nhập và sử dụng bất cứ mạng và dịch vụ viễn thông công cộng nào, bao gồm cả các kênh đi thuê, mà được cung cấp trong phạm vi lãnh thổ hoặc qua biên giới của Bên đó, trên cơ sở những điều khoản và điều kiện hợp lý và không phân biệt đối xử, bao gồm các điều khoản được quy định từ mục (b) đến mục (f) dưới đây.
- (b) Mỗi Bên sẽ đảm bảo rằng các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ của Bên kia được phép:
 - (i) mua hoặc thuê, và gắn các thiết bị đầu cuối hoặc thiết bị khác mà giao tiếp với một mạng viễn thông công cộng, cần thiết cho việc cung cấp các dịch vụ của doanh nghiệp đó;

¹³ Việt Nam có thể đặt ra các điều kiện cần thiết và hợp lý đối với việc truy nhập và sử dụng mạng và dịch vụ viễn thông công cộng để đẩy mạnh cơ sở hạ tầng viễn thông trong nước cũng như năng lực dịch vụ, và tăng khả năng tham gia của Việt Nam vào hoạt động thương mại quốc tế trong lĩnh vực dịch vụ viễn thông.

- (ii) kết nối các kênh riêng hoặc kênh đi thuê của mình với mạng và dịch vụ viễn thông công cộng hoặc với các kênh riêng hoặc kênh đi thuê của nhà cung ứng dịch vụ khác;¹⁴ và
 - (iii) sử dụng các giao thức khai thác do mình lựa chọn để cung cấp dịch vụ, ngoại trừ khi cần đảm bảo sự sẵn có của các mạng và dịch vụ viễn thông công cộng phục vụ công chúng.
- (c) Mỗi Bên sẽ đảm bảo rằng các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ của Bên kia có thể sử dụng các mạng và dịch vụ viễn thông công cộng để lưu chuyển thông tin trong phạm vi quốc gia hoặc qua biên giới, bao gồm truyền thông trong nội bộ doanh nghiệp, và để truy cập thông tin được chứa trong các cơ sở dữ liệu hoặc dạng khác mà được lưu trữ dưới dạng có thể đọc được trên lãnh thổ của bất cứ Bên nào.
- (d) Tuy có quy định như mục (c), nhưng một Bên vẫn có thể đưa ra những biện pháp cần thiết để đảm bảo an ninh và bảo mật các thông tin, với điều kiện những biện pháp này không được áp dụng theo cách tạo ra sự phân biệt đối xử tùy tiện hoặc hạn chế trách nhiệm đối với thương mại dịch vụ.
- (e) Mỗi Bên sẽ đảm bảo rằng không có điều kiện nào được đặt ra đối với việc truy cập và sử dụng mạng và dịch vụ viễn thông công cộng, ngoại trừ các điều kiện đó là sự cần thiết để:
- (i) bảo hộ các nghĩa vụ dịch vụ công của các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ và mạng viễn thông công cộng, đặc biệt là khả năng để các doanh nghiệp cung ứng các mạng hoặc dịch vụ của họ cho công chúng;
 - (ii) bảo vệ tính thống nhất kỹ thuật của các mạng hoặc dịch vụ viễn thông công cộng; hoặc
 - (iii) đảm bảo rằng các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ của Bên kia không cung cấp các dịch vụ trừ khi các dịch vụ đó được phép cung cấp theo các cam kết trong Biểu cam kết cụ thể của Bên đó.
- (f) Quy định rằng các điều kiện đáp ứng các tiêu chí đã được đặt ra tại mục (e), các điều kiện được đặt ra đối với việc truy cập và sử dụng dịch vụ và mạng viễn thông công cộng có thể bao gồm:
- (i) hạn chế đối với việc bán lại hoặc chia sẻ việc sử dụng các dịch vụ đó;
 - (ii) yêu cầu sử dụng các giao diện kỹ thuật nhất định, bao gồm các giao thức giao diện để kết nối với các dịch vụ hay mạng đó;

¹⁴ Đối với Việt Nam, các mạng được phép thiết lập nhằm mục đích truyền thông tin thoại và dữ liệu, mục đích phi thương mại, giữa các thành viên trong một nhóm có mối liên hệ mật thiết chỉ có thể được kết nối trực tiếp với nhau khi được phép bằng văn bản của Cục Viễn thông.

- (iii) những yêu cầu, khi cần thiết, đối với khả năng tương thích của các mạng và dịch vụ đó;
- (iv) việc phê duyệt chủng loại thiết bị đầu cuối hoặc các thiết bị khác mà có giao diện kết nối với mạng, và các yêu cầu kỹ thuật đối với việc gắn các thiết bị này vào mạng đó;
- (v) hạn chế việc kết nối kênh đi thuê hay kênh của mình với các mạng hoặc dịch vụ viễn thông công cộng hoặc với các kênh đi thuê hoặc kênh của các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ khác; hoặc
- (vi) thủ tục thông báo, đăng ký và cấp phép.

3. Bảo hộ cạnh tranh

- (a) Mỗi Bên sẽ cấm các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ hoặc mạng viễn thông công cộng, một mình hoặc liên kết, mà là các doanh nghiệp chủ đạo trong phạm vi lãnh thổ quốc gia của mình không được thực hiện hoặc duy trì các hành vi phản cạnh tranh.
- (b) Các hành vi phản cạnh tranh được quy định trong điều khoản này sẽ bao gồm:
 - (i) tham gia vào việc trợ cấp chéo phản cạnh tranh;
 - (ii) sử dụng các thông tin có được từ đối thủ cạnh tranh với mục đích phản cạnh tranh; và
 - (iii) không cung cấp kịp thời cho các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ hay mạng viễn thông khác những thông tin kỹ thuật về cơ sở hạ tầng thiết yếu hoặc các thông tin thương mại liên quan, mà những thông tin đó là cần thiết đối với các doanh nghiệp đó để cung ứng mạng hoặc dịch vụ viễn thông công cộng.

4. Thủ tục cấp phép

- (a) Khi một Bên có yêu cầu một doanh nghiệp cung ứng mạng và dịch vụ viễn thông công cộng phải có giấy phép, Bên đó sẽ phải công khai:
 - (i) toàn bộ các tiêu chí cấp phép và các thủ tục áp dụng;
 - (ii) thời hạn thông thường để đi đến một quyết định liên quan đến yêu cầu cấp phép; và
 - (iii) các điều khoản và điều kiện của tất cả các loại giấy phép đang có hiệu lực.
- (b) Mỗi Bên sẽ đảm bảo rằng, nếu có yêu cầu, người nộp đơn xin cấp phép sẽ nhận được những lý do từ chối cấp phép.

5. Kết nối¹⁵

- (a) Mỗi Bên sẽ đảm bảo rằng các doanh nghiệp chủ đạo trên lãnh thổ quốc gia của mình cung cấp kết nối cho các doanh nghiệp cung ứng mạng hoặc dịch vụ viễn thông của Bên kia tại bất cứ điểm nào trên mạng của doanh nghiệp chủ đạo đó mà khả thi về mặt kỹ thuật. Những kết nối này sẽ:
- (i) được cung cấp kịp thời, trên cơ sở những điều khoản và điều kiện (bao gồm cả các tiêu chuẩn và các thông số kỹ thuật), và với cước kết nối dựa trên chi phí, hợp lý (có xem xét đến tính khả thi về mặt kinh tế), không phân biệt đối xử và minh bạch;
 - (ii) được bóc tách một cách đầy đủ, để doanh nghiệp cung ứng mạng hoặc dịch vụ viễn thông đang có nhu cầu kết nối không phải trả tiền cho những phần từ mạng hay các trang thiết bị mạng không liên quan đến việc cung ứng dịch vụ đó;
 - (iii) được cung ứng với chất lượng không thấp hơn so với chất lượng mà doanh nghiệp chủ đạo cung cấp cho dịch vụ tương tự của chính doanh nghiệp đó hoặc dịch vụ tương tự của các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ không liên kết, hoặc của các công ty con hoặc các tổ chức liên kết của doanh nghiệp chủ đạo này; và
 - (iv) được cung cấp trên cơ sở yêu cầu, tại các điểm kết nối ngoài các điểm đầu cuối trên mạng lưới được cung cấp cho đa số người sử dụng, với giá cước phản ánh chi phí cần thiết để xây dựng thêm các trang thiết bị phục vụ kết nối.
- (b) Mỗi Bên sẽ đảm bảo rằng các điều kiện, điều khoản và giá cước (bao gồm các tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) đối với việc kết nối giữa các doanh nghiệp chủ đạo trong phạm vi lãnh thổ quốc gia của mình và các doanh nghiệp cung ứng mạng hoặc dịch vụ viễn thông công cộng của Bên kia có thể được thiết lập (tối thiểu):
- (i) thông qua đàm phán thương mại; hoặc
 - (ii) thông qua dẫn chiếu đến một bộ những điều khoản, điều kiện và giá cước tiêu chuẩn mà doanh nghiệp chủ đạo đó đưa ra chung cho các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ hay mạng viễn thông công cộng khác,

¹⁵ Liên quan đến các điểm từ (i) đến (iii) thuộc mục (a), Hàn Quốc có thể cho phép các doanh nghiệp chủ đạo đưa ra những mức cước, điều kiện và điều khoản đối với các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ viễn thông công cộng không có hạ tầng ở mức đối xử kém thuận lợi hơn so với các doanh nghiệp cung ứng mạng hoặc dịch vụ viễn thông công cộng có hạ tầng. Để chắc chắn hơn, Hàn Quốc sẽ đảm bảo rằng các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ viễn thông công cộng không có hạ tầng có quyền khiếu kiện, theo quy định tại khoản 13, đến cơ quan quản lý viễn thông để giải quyết các tranh chấp phát sinh liên quan đến cước và các điều kiện, điều khoản kết nối. Điểm (iv) của mục (a) không áp dụng đối với Hàn Quốc với những doanh nghiệp cung ứng dịch vụ viễn thông công cộng không có hạ tầng mạng.

và bộ đó phải được phê duyệt hoặc được hoặc được cơ quan quản lý viễn thông quy định.

- (c) Mỗi Bên sẽ đảm bảo rằng các thủ tục kết nối với các doanh nghiệp chủ đạo trong phạm vi lãnh thổ quốc gia của mình phải được thông báo công khai.
- (d) Mỗi Bên sẽ đảm bảo rằng các doanh nghiệp cung ứng mạng hoặc dịch vụ viễn thông công cộng trong phạm vi lãnh thổ quốc gia của mình phải có những biện pháp hợp lý để bảo vệ tính bảo mật đối với các thông tin thương mại nhạy cảm, hoặc thông tin liên quan đến các doanh nghiệp và người sử dụng cuối cùng của các dịch vụ hoặc mạng viễn thông công cộng mà doanh nghiệp chủ đạo có được từ các thỏa thuận kết nối và doanh nghiệp chủ đạo chỉ được sử dụng những thông tin đó vào mục đích cung cấp các dịch vụ kết nối.

6. Chung điểm đặt thiết bị¹⁶

(a) Mỗi Bên sẽ đảm bảo rằng các doanh nghiệp chủ đạo trong phạm vi lãnh thổ quốc gia mình phải:

- (i) cung cấp cho các doanh nghiệp cung ứng các mạng hoặc dịch vụ viễn thông công cộng có cơ sở hạ tầng trên lãnh thổ của Bên kia chung điểm đặt thiết bị vật lý cần thiết để kết nối; và
 - (ii) trong trường hợp chung điểm vật lý theo quy định ở mục (i) không khả thi vì lý do kỹ thuật hoặc vì không gian đặt thiết bị hạn chế, hợp tác với các doanh nghiệp cung ứng mạng hoặc dịch vụ viễn thông công cộng có hạ tầng nằm trên lãnh thổ của Bên kia để tìm và triển khai các giải pháp thay thế có tính thực tiễn và thương mại.¹⁷
- (b) Mỗi Bên sẽ đảm bảo rằng các doanh nghiệp chủ đạo trong phạm vi lãnh thổ quốc gia mình phải cung cấp chung điểm đặt thiết bị vật lý hoặc các giải pháp thay thế có tính thương mại và thực tiễn theo quy định tại mục (a) một cách kịp thời và trên cơ sở các điều khoản, điều kiện (bao gồm các tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) và giá cước một cách hợp lý (có xem xét đến tính khả thi về mặt kinh tế), không phân biệt đối xử và minh bạch.
- (c) Mỗi Bên có thể quyết định, theo quy định pháp luật của mình, các vị trí mà buộc các doanh nghiệp chủ đạo trong phạm vi lãnh thổ quốc gia mình phải

¹⁶ Đối với Việt Nam, chung điểm đặt thiết bị có thể không áp dụng đối với các cơ sở viễn thông thiết yếu như các trạm cáp biển hay các trạm công quốc tế. Cơ sở hạ tầng viễn thông thiết yếu sẽ được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định. Nghĩa vụ này được áp dụng sau ba năm kể từ khi các nghĩa vụ này được phản ánh một cách đầy đủ trong hệ thống quy phạm pháp luật của Việt Nam. Đối với Hàn Quốc, khoản này sẽ không áp dụng đối với các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ viễn thông không có cơ sở hạ tầng.

¹⁷ Các giải pháp thay thế có thể bao gồm:

- (a) cho phép các doanh nghiệp có hạ tầng đặt thiết bị gần khu nhà trạm kết nối và kết nối thiết bị đó với mạng của doanh nghiệp chủ đạo;
- (b) sắp xếp không gian đặt thiết bị bổ sung hoặc chung điểm đặt thiết bị ảo;
- (c) tối ưu hóa việc sử dụng không gian hiện tại; và
- (d) tìm kiếm không gian liền kề.

cung cấp chung điểm đặt vật lý hoặc các giải pháp thay thế như quy định tại mục (a).

7. Dịch vụ kênh đi thuê¹⁸

Trừ khi không khả thi về mặt kỹ thuật, Mỗi Bên sẽ đảm bảo rằng doanh nghiệp chủ đạo trong phạm vi lãnh thổ quốc gia mình phải luôn sẵn sàng cung ứng dịch vụ kênh đi thuê (là dịch vụ viễn thông công cộng) cho doanh nghiệp cung ứng mạng hoặc dịch vụ viễn thông công cộng của Bên kia một cách kịp thời, và trên cơ sở các điều khoản, điều kiện (bao gồm các tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) và với giá cước hợp lý (có xem xét đến tính khả thi về mặt kinh tế), không phân biệt đối xử và minh bạch.

8. Bán lại¹⁹

Mỗi Bên sẽ đảm bảo rằng doanh nghiệp chủ đạo trong phạm vi lãnh thổ quốc gia mình không được đặt ra các điều kiện hay hạn chế một cách bất hợp lý hoặc phân biệt đối xử trong việc bán lại các dịch vụ hoặc mạng viễn thông công cộng của mình.

9. Chuyển mạng giữ số²⁰

Mỗi Bên sẽ đảm bảo rằng các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ hoặc mạng viễn thông công cộng trong phạm vi lãnh thổ quốc gia mình phải cung cấp khả năng chuyển mạng giữ số đối với các dịch vụ điện thoại di động khi có tính khả thi về mặt kinh tế và kỹ thuật, và trên cơ sở các điều khoản và điều kiện hợp lý.

10. Cơ quan quản lý viễn thông

- (a) Mỗi Bên sẽ thiết lập hoặc duy trì, như là một phần của khung pháp lý trong nước, một cơ quan quản lý viễn thông.
- (b) Mỗi Bên sẽ đảm bảo rằng mọi cơ quan quản lý viễn thông mà được thiết lập hoặc duy trì phải độc lập, không có trách nhiệm, đối với bất cứ doanh nghiệp cung ứng dịch vụ hoặc mạng viễn thông công cộng nào.
- (c) Mỗi Bên sẽ đảm bảo rằng các chức năng và trách nhiệm của cơ quan hoặc các cơ quan quản lý viễn thông sẽ bao gồm cả việc thực thi các cam kết được quy định tại khoản 5, và mọi thẩm quyền ban hành quyết định của mình sẽ phải được quy định trong quy định pháp luật trong nước của mỗi Bên.

¹⁸ Đối với Việt Nam, nghĩa vụ này áp dụng sau 3 năm kể từ khi nó được phản ánh đầy đủ trong quy phạm pháp luật của Việt Nam. Hàn Quốc có thể cho phép các doanh nghiệp chủ đạo đưa ra những mức cước, điều kiện và điều khoản đối với các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ viễn thông công cộng không có hạ tầng ở mức đối xử kém hơn so với các doanh nghiệp cung ứng mạng hoặc dịch vụ viễn thông công cộng có hạ tầng. Để chắc chắn hơn, Hàn Quốc sẽ đảm bảo rằng các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ viễn thông công cộng không có hạ tầng có quyền khiếu kiện, theo quy định tại khoản 13, đến cơ quan quản lý viễn thông để giải quyết các tranh chấp phát sinh liên quan đến cước và các điều kiện, điều khoản kết nối.

¹⁹ Đối với Việt Nam, bán lại dịch vụ có thể được cung cấp khi doanh nghiệp cung ứng dịch vụ có giấy phép cung cấp các dịch vụ bán lại đó.

²⁰ Nghĩa vụ này áp dụng sau ba năm kể từ khi nó được phản ánh một cách đầy đủ trong quy phạm pháp luật của Việt Nam.

- (d) Mỗi Bên sẽ đảm bảo rằng các quyết định, và các thủ tục được áp dụng bởi một hoặc nhiều cơ quan quản lý viễn thông phải mang tính công tâm đối với mọi thực thể có liên quan.
- (e) Mỗi Bên sẽ đảm bảo bất cứ doanh nghiệp cung ứng mạng hoặc dịch vụ viễn thông công cộng của Bên kia mà bị thiệt hại hoặc những quyền lợi của họ bị ảnh hưởng tiêu cực bởi quyết định của cơ quan quản lý viễn thông của Bên đó, có thể được một tòa tư pháp, trọng tài hoặc hành chính hoặc cơ quan có thẩm quyền xem xét lại quyết định đó theo thủ tục tư pháp, trọng tài hoặc hành chính. Khi các thủ tục mà không độc lập với cơ quan quản lý viễn thông, Bên đó sẽ đảm bảo các thủ tục đó trên thực tế được xem xét một cách khách quan và công tâm.

11. Dịch vụ phổ cập

Mỗi Bên sẽ quản lý bất cứ nghĩa vụ dịch vụ phổ cập nào mà nó duy trì một cách minh bạch, không phân biệt đối xử và trung lập cạnh tranh, đồng thời sẽ đảm bảo rằng nghĩa vụ dịch vụ phổ cập đó không trở thành gánh nặng quá mức cần thiết đối với loại hình dịch vụ phổ cập đó mà nó được xác định.

12. Phân bổ và sử dụng các nguồn tài nguyên quý hiếm

- (a) Mỗi Bên sẽ quản trị các thủ tục của mình đối với việc phân bổ và sử dụng các nguồn tài nguyên viễn thông quý hiếm, bao gồm tần số, kho số, và quyền đi cáp một cách khách quan, kịp thời, minh bạch và không phân biệt đối xử.
- (b) Mỗi Bên sẽ công khai tình trạng hiện tại các băng tần được phân bổ, nhưng có quyền không cung cấp các thông số chi tiết các băng tần được phân bổ hay ấn định cho mục đích sử dụng của chính phủ.
- (c) Các biện pháp phân bổ và ấn định phổ tần cũng như quản lý tần số của một Bên không phải là những biện pháp mà tự nó không phù hợp với Điều 8.4 (chương Tiếp cận thị trường). Theo đó, mỗi Bên được quyền thiết lập và áp dụng các chính sách quản lý tần số và phổ tần mà có thể có tác động làm hạn chế số lượng các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ viễn thông công cộng, với điều kiện chính sách đó phải tuân thủ với các quy định khác của Hiệp định này. Nguyên tắc này bao gồm khả năng phân bổ băng tần, có xem xét đến các nhu cầu hiện tại và tương lai, cũng như khả năng sẵn có của phổ tần.

13. Giải quyết tranh chấp viễn thông

- (a) Mỗi Bên sẽ đảm bảo rằng các doanh nghiệp cung ứng mạng hoặc dịch vụ viễn thông công cộng của Bên kia có thể đề nghị cơ quan quản lý viễn thông hoặc cơ quan giải quyết tranh chấp của bên đó giải quyết những tranh chấp phù hợp với quy định của pháp luật nước đó.
- (b) Mỗi Bên sẽ đảm bảo rằng bất cứ doanh nghiệp cung ứng dịch vụ hoặc mạng viễn thông công cộng nào mà bị ảnh hưởng bởi quyết định cuối cùng của cơ

quan quản lý viễn thông hoặc cơ quan giải quyết tranh chấp liên quan có thể có được sự xem xét tư pháp độc lập đối với các quyết định đó phù hợp với quy định pháp luật của Bên đó. Không Bên nào cho phép việc xem xét tư pháp độc lập này làm cơ sở để không thực hiện quyết định cuối cùng của cơ quan quản lý viễn thông hay cơ quan giải quyết tranh chấp liên quan, trừ khi cơ quan tư pháp liên quan đình chỉ hoặc bãi bỏ quyết định đó.

14. Minh bạch hóa

Cụ thể hơn đối với Điều 14.1 (Công bố), mỗi Bên sẽ đảm bảo rằng các thông tin liên quan đến điều kiện truy nhập và sử dụng dịch vụ và mạng viễn thông công cộng được công khai, bao gồm các thông tin về:

- (a) bảng cước và các điều khoản, điều kiện của dịch vụ;
- (b) các thông số giao diện kỹ thuật liên quan đến các mạng và dịch vụ đó;
- (c) thông tin về các cơ quan có trách nhiệm trong việc chuẩn bị xây dựng, sửa đổi và thông qua các biện pháp liên quan đến tiêu chuẩn kỹ thuật;
- (d) các điều kiện áp dụng đối với việc gắn các thiết bị đầu cuối hoặc các thiết bị khác vào mạng viễn thông công cộng; và
- (e) thủ tục thông báo, cho phép, đăng ký hoặc các yêu cầu về cấp phép, nếu có.

15. Liên quan đến các tổ chức quốc tế và hiệp định khác

Các Bên đều thừa nhận tầm quan trọng của các tiêu chuẩn quốc tế đối với khả năng tương thích và phù hợp giữa các mạng và dịch vụ viễn thông trên phạm vi toàn cầu, và cam kết thúc đẩy các tiêu chuẩn quốc tế đó thông qua hoạt động của các tổ chức quốc tế liên quan, bao gồm Liên minh Viễn thông quốc tế và Tổ chức quốc tế về tiêu chuẩn.

16. Khái niệm

Đối với mục đích của Phụ lục này:

chung điểm đặt thiết bị (về cơ học) nghĩa là việc tiếp cận vào một không gian để lắp đặt, duy trì hoặc sửa chữa các thiết bị tại địa điểm thuộc sở hữu hoặc kiểm soát và sử dụng bởi doanh nghiệp chủ đạo để cung ứng các dịch vụ viễn thông;

trên cơ sở chi phí nghĩa là dựa trên cơ sở chi phí và có thể bao gồm lợi nhuận hợp lý, và có thể bằng các phương pháp tính chi phí khác nhau được tính cho các trang thiết bị hoặc dịch vụ khác nhau;

người sử dụng cuối cùng nghĩa là người tiêu dùng hoặc thuê bao cuối cùng của một mạng hoặc dịch vụ viễn thông công cộng, bao gồm cả doanh nghiệp cung ứng dịch vụ mà không phải là doanh nghiệp cung ứng dịch vụ hoặc mạng viễn thông công cộng;

phương tiện thiết yếu nghĩa là các trang thiết bị mạng hoặc dịch vụ viễn thông công cộng mà:

- (a) được cung ứng độc quyền hoặc chủ yếu bởi một hoặc một số lượng hạn chế các doanh nghiệp cung ứng; và
- (b) không khả thi để có thể được thay thế về mặt kinh tế hoặc kỹ thuật nhằm cung cấp dịch vụ.

doanh nghiệp cung cấp dịch vụ có hạ tầng nghĩa là các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ hoặc mạng viễn thông công cộng mà:

- (a) là các nhà khai thác có hạ tầng được cấp phép cung ứng dịch vụ ở Việt Nam; và
- (b) là các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ mà sở hữu các trang thiết bị truyền dẫn phù hợp với Đạo luật kinh doanh viễn thông ở Hàn Quốc;

kết nối nghĩa là việc liên kết với các doanh nghiệp cung cấp các mạng hoặc dịch vụ viễn thông công cộng để cho phép những người sử dụng của một doanh nghiệp này có thể liên lạc được với những người sử dụng của doanh nghiệp khác và để truy cập dịch vụ được cung cấp bởi các doanh nghiệp khác;

kênh đi thuê nghĩa là phương tiện viễn thông giữa hai hay nhiều điểm xác định được thiết lập tách biệt nhằm mục đích dùng riêng của một người sử dụng nhất định, hoặc tính sẵn của phương tiện viễn thông cho một người sử dụng nhất định;

doanh nghiệp chủ đạo nghĩa là các nhà cung ứng dịch vụ có khả năng tác động về mặt vật chất, về giá cước và cung ứng dịch vụ, tới việc tham gia vào thị trường liên quan để cung ứng mạng hoặc dịch vụ viễn thông công cộng, hoặc trở thành một phần của thị trường, từ kết quả của việc:

- (a) kiểm soát các phương tiện thiết yếu; hoặc
- (b) sử dụng vị trí của mình trên thị trường;

không phân biệt đối xử nghĩa là sự đối xử không kém thuận lợi hơn so với sự đối xử mà đã dành cho bất cứ người sử dụng dịch vụ hoặc mạng viễn thông công cộng tương tự khác, trong những hoàn cảnh tương tự;

chuyển mạng giữ số nghĩa là khả năng của người sử dụng dịch vụ viễn thông công cộng cuối cùng duy trì số điện thoại khi chuyển sang nhà cung ứng cùng loại dịch vụ viễn thông công cộng (di động) khác;

mạng viễn thông công cộng nghĩa là hạ tầng viễn thông công cộng mà cho phép liên lạc giữa và trong số các điểm đầu cuối mạng xác định;

dịch vụ viễn thông công cộng nghĩa là bất cứ dịch vụ viễn thông nào mà một Bên yêu cầu phải cung cấp ra công cộng một cách rõ ràng hoặc trên thực tế. Các dịch vụ này có thể bao gồm, không kể những cái khác, dịch vụ điện báo, điện thoại, truyền số liệu, có đặc trưng là

liên quan đến việc truyền các thông tin được tạo ra bởi khách hàng với thời gian thực giữa hai hay nhiều điểm xác định mà không làm thay đổi về dạng hay nội dung thông tin giữa đầu thu và đầu phát thông tin;

viễn thông nghĩa là truyền và nhận các tín hiệu bởi bất cứ phương tiện điện tử nào;

cơ quan quản lý viễn thông nghĩa là bất cứ cơ quan hay các cơ quan trong phạm vi lãnh thổ quốc gia mình có trách nhiệm đối với việc quản lý nhà nước về viễn thông, theo luật của Bên đó; và

người sử dụng nghĩa là người sử dụng cuối cùng hoặc doanh nghiệp cung ứng dịch vụ hoặc mạng viễn thông công cộng.